TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-PT
Ngày: 27/02/2024
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên
Các Thẩm phán: Bà Doanh Thị Mây
Ông Hoàng Văn Thụ

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLPT-DS ngày 11/12/2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Sầm Hùng V; sinh năm 1961
Địa chỉ: Xóm A B, thị trấn N, H, Cao Bằng. (Có mặt)
- *Bị đơn*: Ông Sầm Văn C; sinh năm 1941
Địa chỉ: N, H, H, Cao Bằng. (Có mặt)
- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông Sầm Hùng T; sinh năm 1964; (Có mặt)
2. Ông Sầm Hùng M; sinh năm 1967; (Có mặt)
3. Ông Sầm Văn T1; sinh năm 1954; (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)
4. Ông Sầm Văn H; sinh năm 1975; (vắng mặt không có lý do)
5. Ông Nguyễn Ngọc L; sinh năm 1959; (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm A B, thị trấn N, H, Cao Bằng.

6. Bà Sầm Thị C1; sinh 1968; địa chỉ: SN H, tổ A, phường D, thành phố C. (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

7. Bà Sầm Thị C2, sinh 1960; địa chỉ: Xóm H- xã H- thành phố C- tỉnh Cao Bằng. (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

8. Ông Sầm Văn C3, sinh 1954; địa chỉ: Tổ C, khu I, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

9. Ông Sầm Quốc C4, sinh 1973; địa chỉ: C đường A.T3.KP3 P. P TP T, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

10. Ông Sầm Văn C5, sinh 1956; địa chỉ: TDP A T E, Eo H'leo, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

11. Ông Sầm Văn T2, sinh 1952; địa chỉ: Số E ngõ A G, P, T, Hà Nội (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sầm Hùng M: Bà Sầm Thị T3; sinh năm: 1957

Địa chỉ: Phố A, Thị trấn N, H, Cao Bằng. (Có mặt)

- Những người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T4; sinh năm 1944. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Lý Q; sinh năm 1976. (Có mặt)

3. Ông Sầm Ngọc T5; sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm A B, thị trấn N, H, Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng T6.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022, nộp tại Tòa án ngày 04/10/2022, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Sầm Hùng V trình bày:

Tôi có quan hệ họ hàng với ông C. Bố đẻ của ông C và ông nội của tôi là ông Sầm Văn H1 có cùng cha đẻ là ông Sầm Văn Đ. Tôi gọi ông Đ là ông cụ và gọi ông C là chú.

Nguồn gốc đất tranh chấp là do tổ tiên để lại. Phần đất tranh chấp có tên địa danh Thang V1, diện tích phần đất tranh chấp khoảng 200m^2, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất này do ông Đ khai phá và quản lý từ đầu. Trước thời kỳ 1950 do ông nội tôi quản lý và sử dụng; đến khi Nhà nước thành lập Hợp tác xã nông nghiệp, mảnh đất đó được đưa vào Hợp tác xã do đội sản xuất A quản lý và sử dụng. Trong thời kỳ Hợp tác xã, bố mẹ của ông C là ông Sầm Văn D và bà Hà Thị Q1 thường khai thác củi trên phần đất này. Đến khi Hợp tác xã giải thể thì gia đình tôi đến canh tác các đám ruộng phía dưới của mình, bảo quản cây mọc tự nhiên trên phần đất này và sử dụng làm phần đường đi lại xuống ruộng của gia

đình tôi, ông T6, ông M và một số hộ gia đình khác cùng có ruộng ở khu ruộng Pác Bó. Đến năm 2000, do có nhu cầu nên chúng tôi đã mở rộng đường cũ rộng hơn để lấy máy móc xuống canh tác tại ruộng. Khi đó cả dòng họ S và chính quyền địa phương xóm không ai có ý kiến gì về việc này.

Đến năm 2021, do tôi với ông C bất đồng ý kiến về việc tu sửa mộ tổ tiên của dòng họ Sầm nên ông C đã rào đường, trồng cây keo trên phần đường chung đi lại này, khiến cho 03 (Ba) hộ gia đình chúng tôi không có đường đi lại sản xuất và không canh tác được vụ mùa năm 2022. Việc tranh chấp đã được cấp xóm, cấp xã hòa giải ngày 21/3/2022 nhưng không thành.

Tại phiên toà, ông V yêu cầu ông C đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc sở hữu ông C.

Nay ông V yêu cầu ông C phải dỡ bỏ hàng rào và nhổ bỏ các cây keo ông C trồng lên mặt đường đi lại thuộc phần đất tranh chấp để trả lại con đường đi chung, phần đất tranh chấp cùng sử dụng và khai thác chung.

* Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn ông Sầm Văn C trình bày:

Tôi có quan hệ họ hàng với ông V, gọi ông V là cháu.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do mẹ kế của tôi bà Hà Thị Q1 để lại cho tôi quản lý và sử dụng trước khi đi xuống Hà Nội an dưỡng với em trai tôi. Phần đất tranh chấp có tên địa danh Thang V1, do diện tích nhỏ nên không đủ điều kiện để đề nghị kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Sau khi được mẹ giao quyền quản lý sử dụng đất từ năm 1950, tôi quản lý và sử dụng đất ổn định, trồng và chăm sóc các cây sâu sâu và cây xà gài. Sau đó tôi có rào đất và trồng cây lát, cây keo trên phần đất này, không phát sinh tranh chấp với ai.

Đến ngày 07/02/2022, ông V tự ý nhổ bỏ các cây lát, cây keo tôi trồng và phá bỏ hàng rào tôi dựng làm phát sinh tranh chấp giữa hai bên.

Việc tranh chấp đã được cấp xóm, cấp xã hòa giải ngày 21/3/2022 nhưng không thành. Trong hai lần hòa giải, chính quyền xóm xã đều khẳng định phần đất tranh chấp là của tôi.

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn ông V, ông C không nhất trí vì cho rằng phần đất này thuộc quyền sở hữu của ông C nên ông được quyền quản lý, sử dụng theo nhu cầu của mình.

* Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ý kiến của ông Sầm Hùng T: Tôi có quan hệ họ hàng với ông C, tôi là em trai của ông V. Tôi nhất trí với những nội dung mà ông V đã trình bày. Đối với ý kiến của ông V tôi cũng nhất trí yêu cầu ông C phải rỡ bỏ hàng rào và nhổ bỏ các

cây keo ông C trồng lên mặt đường đi lại thuộc phần đất tranh chấp để trả lại con đường đi chung, phần đất tranh chấp cùng sử dụng chung.

- Ý kiến của ông Sầm Hùng M: Tôi có quan hệ họ hàng với ông C, tôi là em trai của ông V. Tôi nhất trí với những nội dung mà ông V đã trình bày. Đối với ý kiến của ông V tôi cũng nhất trí yêu cầu ông C phải rỡ bỏ hàng rào và nhổ bỏ các cây keo ông C trồng lên mặt đường đi lại thuộc phần đất tranh chấp để trả lại con đường đi chung, phần đất tranh chấp cùng sử dụng chung.

- Ý kiến của các ông Sầm Văn T1, Sầm Văn H và Nguyễn Ngọc L: Tôi có quan hệ họ hàng cùng dòng họ Sầm với ông V và ông C. Đối với phần đất tranh chấp, từ lâu tôi đã thấy bà Q1, ông C quản lý, sử dụng liên tục và không phát sinh tranh chấp với ai. Theo tôi, phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông C.

* Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa những người làm chứng Nguyễn Thị T4 và Nguyễn Lý Q xác nhận trên phần đất tranh chấp có con đường mòn phục vụ việc đi lại sản xuất, chăn thả gia súc; không biết ai là chủ sở hữu của phần đất tranh chấp và không có ý kiến gì thêm.

- Lời khai của người làm chứng ông Sầm Ngọc T5 - Nguyên Trưởng xóm xóm A, Bế T7 xác nhận trong thời gian Hợp tác xã phần đất tranh chấp này do gia đình ông C quản lý, sử dụng. Sau khi Hợp tác xã giải thể, gia đình ông C lại tiếp tục quản lý, sử dụng trồng cây chè, cà phê trên phần đất này.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sầm Hùng M, bà Sầm Thị T3 trình bày tại phiên toà: Tôi không nhất trí với những lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông H, ông L khẳng định phần đất tranh chấp thuộc sở hữu của ông C do những người này và bản thân ông C không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh quyền sở hữu của ông C đối với phần đất tranh chấp giữa các bên. Đồng thời, giữa nội dung bản tự khai và lời trình bày của ông C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn có nhiều mâu thuẫn nên không có đủ căn cứ để khẳng định phần đất tranh chấp thuộc sở hữu của ông C. Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, ông M là buộc ông C phải rỡ bỏ hàng rào và nhổ bỏ các cây keo trồng lên mặt đường đi lại thuộc phần đất tranh chấp; giữ nguyên con đường đi lại để phục vụ việc canh tác các đám ruộng thuộc khu ruộng Pác Bó phía dưới và khẳng định phần đất tranh chấp thuộc của chung dòng họ Sầm chưa được phân chia.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 125; Điều 131; Điều 203; Điều 210 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Sầm Hùng V về việc yêu cầu ông C trả lại con đường đi trên phần đất tranh chấp để sử dụng chung và xác định phần đất tranh chấp của chung dòng họ S.

2. Ông Sầm Văn C được quản lý, sử dụng phần đất diện tích là 859,4m^2 trong thửa đất số 97, tờ bản đồ số 72 tại xóm A B, thị trấn N, H, Cao Bằng, có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất của hộ ông Sầm Văn T1, một phần của thửa đất số 562, tờ bản đồ số 72 đo đạc năm 1996;

- Phía Đông giáp các thửa đất số 82 của ông Sầm Văn T1, các thửa đất số 81, 98 của ông Sầm Hùng V, thửa đất số 99 của ông Sầm Hùng M và thửa đất số 206, tờ bản đồ số 72 đo đạc năm 1996;

- Phía Nam giáp đất ông Sầm Văn H và một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 72, đo đạc năm 1996 do ông Nguyễn Ngọc L hiện đang quản lý, sử dụng;

- Phía Tây giáp đường dân sinh (Đường bê tông).

(Có sơ đồ phần đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C cung cấp, sơ đồ là một phần bản án không tách rời).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng T có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng T6 giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, cho rằng ông C không có giấy tờ tài liệu gì chứng minh quyền quản lý sử dụng của mình nên đề nghị Tòa án buộc ông C không được rào chắn đường, để cho gia đình tôi đi lại và trả lại phần đất tranh chấp cho gia đình tôi.

Nguyên đơn Sầm Hùng Vương có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Sầm Văn C không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng T, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng Mạnh có ý kiến giữ nguyên yêu cầu đối với các ý kiến kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, đề nghị được sử dụng chung thửa đất đang tranh chấp, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của ông Sầm Hùng T không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn luật định, ông V đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng T.

Nội dung kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng T không nhất trí với bản án sơ thẩm và cho rằng phần đất tranh chấp thuộc gia đình bị đơn, yêu cầu được sử dụng lối đi và một phần dất đang tranh chấp.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua phần trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Biên bản hoà giải ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân Thị trấn N, Hội đồng hoà giải có ý kiến: "Khu đất Thang vò thuộc xóm A thuộc quyền quản lý và sử dụng của gia đình ông C"; Biên bản hoà giải ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân Thị trấn N, Hội đồng hoà giải có ý kiến: "Con đường mà nguyên đơn đề nghị mở lại nằm trong thửa đất quyền quản lý và sử dụng của ông C việc mở lại con đường hay không là do hai bên tự thoả thuận".

Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông H, ông L đồng thời là những người thuộc chung dòng họ Sầm, là người có đất giáp ranh phần đất tranh chấp; người làm chứng ông Sầm Ngọc T5 - Nguyên Trưởng xóm X B; người cao tuổi của xóm bà Nông Thị L1 về quá trình sử dụng, quản lý

phần đất tranh chấp đều khẳng định do gia đình của ông C quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Cụ thể, do bà Hà Thị Q1 (Mẹ kế của ông Sầm Văn C) canh tác, quản lý từ trước sau đó ông C quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp trên.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2023 của Toà án và Sơ đồ phần đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C cung cấp thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích là 859,4 m^2 hiện nay chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân nào đứng tên. Về tứ cận tiếp giáp của phần đất tranh chấp như sau: Phía Bắc giáp đất của hộ ông Sầm Văn T1 một phần của thửa đất 562, tờ bản đồ số 72 đo đạc năm 1996; Phía Đông giáp các thửa đất số 82 của ông T1, các thửa đất số 81, 98 của ông V, thửa đất số 99 của ông Sầm Hùng M và thửa đất số 206, tờ bản đồ số 72 đo đạc năm 1996; Phía Nam giáp đất ông Sầm Văn H và một phần thửa đất số 97 tờ bản đồ số 72 đo đạc năm 1996 do ông Nguyễn Ngọc L hiện đang quản lý, sử dụng; Phía Tây giáp đường dân sinh (Đường bê tông).

Về nguồn gốc thửa đất là của dòng họ Sầm và đã được các cụ phân chia cho con cháu sử dụng; Dòng họ Sầm không còn phần đất nào để lại sử dụng chung, chưa phân chia. Nội dung này đã được những người chung dòng họ Sầm đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông T1, ông H, ông L xác nhận. Đồng thời, căn cứ lời khai của người làm chứng bà L1, ông T5 đều khẳng định gia đình ông C đã canh tác, quản lý, sử dụng phần đất này từ lâu; việc sử dụng là công khai và những người trong dòng họ S đều biết và không có ý kiến gì. Vì vậy, yêu cầu của ông V về việc xác nhận phần đất tranh chấp là của chung dòng họ Sầm và chưa được phân chia cho con cháu là không có căn cứ.

Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Ông V cho rằng phần đất tranh chấp là của chung dòng họ Sầm và ông cũng được quản lý, khai thác cây trên phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của những những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng đều xác nhận gia đình ông C quản lý và sử dụng phần đất tranh chấp. Do trên phần đất này có con đường mòn để đi lại chăn thả gia súc, tiếp giáp với các đám ruộng liền kề phía dưới của ông V, ông M nên thời gian trước ông V, ông M có sử dụng con đường trên phần đất tranh chấp này để đưa máy móc vào ruộng phục vụ canh tác. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp vẫn do gia đình ông C quản lý, sử dụng đất theo nhu cầu của mình.

Toà án đã tiến hành xác minh với bà Hoàng Thị H2 – Công chức địa chính về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 72, diện tích 2800m^2. Kết quả xác minh cho thấy thửa đất số 97, tờ bản đồ số 72 F48-45-322 (C-III), diện tích 2800m^2 do gia đình bà Sầm Thị P (Địa chỉ: Xóm A, B, thị trấn N, H, Cao Bằng) quản lý và sử dụng từ trước. Sau khi bà P chết năm 2012, ông Nguyễn Ngọc L (Sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm A, B, thị trấn N, H, Cao Bằng) con trai của bà P tiếp tục quản lý, sử dụng đất đến nay. Tuy nhiên, do

ông L chưa thực hiện thủ tục đề nghị xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này xong nên phần "Tên chủ sử dụng đất" trong Sổ mục kê đang tạm thời để trống.

Tại Biên bản xác minh với ông Bế Ích H3 - Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện H cũng khẳng định thửa đất số 97, tờ bản đồ số 72, diện tích 2800m^2 đã được cá nhân quản lý, sử dụng, phân chia cụ thể trên thực tế nhưng do chưa tiến hành xong thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa cá nhân nào được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, kết quả kiểm tra trong Sổ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T8 (Sinh năm 1922) có ghi được cấp thửa đất số 97, tờ bản đồ số 72 F48-45-322 (C-III), diện tích 85m^2 là chưa chính xác; do trong quá trình ghi chép thông tin vào sổ địa chính (Viết tay) cán bộ phụ trách công tác này đã ghi sai thông tin thửa đất bà T8 được cấp là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 72 F48-45-322 (C-IV) (Tờ bản đồ số 73), diện tích 85m^2 mới chính xác và đúng trên thực tế.

Ông Nguyễn Ngọc L, ông Sầm Văn H đã được Toà án triệu tập tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người có đất giáp ranh phần đất tranh chấp. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ do Toà án tiến hành ngày 16/3/2023, ông L, ông H đã có mặt, cùng nguyên đơn, bị đơn xác định ranh giới phần đất tiếp giáp của cá nhân. Đồng thời đối với ranh giới phần đất do nguyên đơn, bị đơn đã chỉ vị trí, ông L và ông H nhất trí không có ý kiến gì; ông L và ông H cũng khẳng định phần đất tranh chấp là của ông C. Như vậy, thửa đất số 97 tờ bản đồ số 72, diện tích 2800m^2 hiện nay ông Nguyễn Ngọc L đang quản lý, sử dụng diện tích 1675,7m^2; ông Sầm Văn H quản lý, sử dụng 383,4m^2; Phần đất tranh chấp có diện tích 859,4m^2, chưa ai được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào những tài liệu trên Hội đồng xét xử khẳng định phần đất tranh chấp đã được gia đình ông Sầm Văn C quản lý, sử dụng từ thời gian trước, trong và sau Hợp tác xã liên tục đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Sầm Văn C. Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan ông T, ông M cho rằng phần đất là của chung dòng họ S để sử dụng và khai thác chung.

Về yêu cầu mở lối đi chung trên phần đất tranh chấp: Trên phần đất tranh chấp hiện nay có 01 (Một) con đường đất, chiều rộng khoảng 1,5m, cắt chéo phần đất tranh chấp như trong Sơ đồ phần đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C cung cấp thể hiện. Căn cứ các lời khai của các đương sự và những người làm chứng có thể khẳng định trước đây trên phần đất tranh chấp có con đường mòn để người dân đi lại và chăn thả gia súc. Ông V khai năm 2000 được mở rộng con đường này để đi lại và đưa máy móc xuống các đám ruộng phía dưới canh

tác. Ông H khai năm 2021 có xin phép con trai ông C và được sự nhất trí đã mở con đường rộng để máy múc xuống khai thác gỗ phía dưới.

Tuy nhiên, phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của ông Sầm Văn C nên ông C có quyền quản lý, sử dụng phần đất này theo nhu cầu, nguyện vọng của mình. Hiện nay, ông C đã trồng và canh tác cây keo, cây lát trên phần đất này nên nếu tiếp tục sử dụng con đường hiện có trên phần đất này để đi lại và đưa máy móc xuống các đám ruộng phía dưới sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả canh tác cây lâu năm của ông C. Đồng thời, kết quả xác minh với bà C6 - Bí thư, Trưởng xóm X, Bế Triều; bà H2 - Công chức địa chính khẳng định ngoài con đường này để canh tác các đám ruộng phía dưới có thể đi qua con đường bê tông (Rộng khoảng hơn 02m) phía Bắc phần đất tranh chấp sát thửa ruộng của ông Sầm Văn T1 để canh tác các đám ruộng này. Đối với các đám ruộng ở trong không sát đường lớn cần chủ động làm vụ mùa sớm và ông T1 cũng tạo điều kiện cho mọi người lấy máy móc qua đám ruộng của mình để canh tác trước rồi ông T1 mới cấy lúa sau. Đồng thời, ông V và ông C không thoả thuận được về việc mở lại con đường trên phần đất tranh chấp. Do đó, không có căn cứ để áp dụng quyền về lối đi qua theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích và nhận định trên HĐXX phúc thẩm thấy rằng Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan về yêu cầu giữ nguyên con đường trên phần đất tranh chấp để sử dụng, khai thác chung là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Sầm Hùng T kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ mới bổ sung để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Hùng T không được chấp nhận, nên ông T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Sầm Hùng T. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Sầm Hùng T phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, xác nhận ông T đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001351 ngày 20/10/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Hòa An;
- TAND huyện Hòa An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngôn Ngọc Viên